

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 679/2024/DS-PT
Ngày: 30/7/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán:
1. Bà Đặng Huyền Phương
2. Bà Đỗ Thị Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1651/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8415/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10075/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Việt T**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 8 đường số B, khu phố H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức B, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số I đường số B, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Tạ Quang T1**, sinh năm 1985 (có mặt)

Cư trú: Số F K, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: Số B V, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người làm chứng:* Ông Phan Thế N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 209/8 Đ, khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Tạ Quang T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn Lê Việt T cùng người đại diện theo ủy quyền ông Trần Đức B trình bày:

Ngày 30/10/2022, ông Tạ Quang T1 có xác lập Giấy nhận nợ của ông Lê Việt T với số tiền là 2.100.000.000 đồng và cam kết thanh toán trước ngày 20/01/2023. Tuy nhiên, từ lúc hết thời hạn thanh toán cho đến nay ông T1 vẫn không thực hiện; vì vậy ông T khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc ông Tạ Quang T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Việt T số tiền vay có vốn gốc là 2.100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/5/2024) là 15 tháng với lãi suất 0.8%/tháng tương đương số tiền là 252.000.000 đồng; tổng cộng số tiền là 2.352.000.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 28/9/2023 bị đơn ông Tạ Quang T1 trình bày: Ông có vay dùm người bạn tên Phan Thế N thông qua ông Lê Việt T số tiền 2.100.000.000 đồng. Hiện nay ông đang lên kế hoạch giải quyết và sẽ cung cấp lịch giải quyết cho Tòa án trong thời gian sớm nhất trong 30 ngày. Tại phiên tòa ngày 15/3/2024 ông T1 thừa nhận có vay của ông T số tiền 2.100.000.000 đồng; trong đó, ông T1 vay dùm cho ông N số tiền 400.000.000 đồng và số tiền còn lại 1.700.000.000 đồng ông T1 đồng ý trả cho ông N nhưng xin trả dần.

Theo bản tự khai ngày 08/11/2023 người làm chứng ông Phan Thế N trình bày: Ông có giới thiệu ông Lê Việt T cho ông Tạ Quang T1 vay tiền nhiều lần và ông đều chứng kiến, sau này các bên chốt lại số nợ là 2.100.000.000 đồng, vào ngày 30/10/2022 ông làm chứng quá trình ông T1 vay tiền của ông T.

Theo bản tự khai ngày 06/3/2024 người làm chứng ông Phan Thế N trình bày: Vào ngày 08/11/2023 ông Phan Thế N có bản tự khai xác nhận việc vay mượn tiền giữa ông Tạ Quang T1 và ông Lê Việt T, tuy nhiên trước đó ông và ông T1 có biên bản thỏa thuận là trong số tiền 2.100.000.000 đồng thì phần của ông là 400.000.000 đồng. Đây cũng là số tiền ông phải hoàn trả cho ông T; vì là chỗ bạn bè nên ông ký vào người làm chứng trong giấy mượn tiền để cho ông T tin tưởng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1651/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Lê Việt T tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

Buộc ông Tạ Quang T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Việt T số tiền vay có vốn gốc là 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 252.000.000 (hai trăm năm mươi hai triệu) đồng; tổng cộng số tiền là 2.352.000.000 (hai tỷ ba trăm năm mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 79.040.000 (bảy mươi chín triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng ông Tạ Quang T1 phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Lê Việt T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.348.600 (ba mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0002560 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 15/5/2024, bị đơn ông Tạ Quang T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.700.000.000 đồng và lãi suất theo qui định trên số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Tạ Quang T1 trình bày: Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.700.000.000 đồng và lãi suất của số tiền này. Số tiền 400.000.000 đồng còn lại sẽ do ông Phan Thế N trả cho ông Lê Việt T.

Đại diện của nguyên đơn ông Trần Đức B trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1651/2024/DS-ST ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Án phí dân sự phúc thẩm ông Tạ Quang T1 phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 03/5/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bản án sơ thẩm số 1651/2024/DS-ST về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ngày 15/5/2024, bị đơn ông Tạ Quang T1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.700.000.000 đồng và lãi suất theo qui định trên số tiền này. Kháng cáo của đương sự là trong thời hạn qui định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn ông Lê Việt T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Tạ Quang T1 trả lại số tiền vay theo Giấy xác nhận nợ ngày 30/10/2022; có vốn gốc là 2.100.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 0.8%/tháng tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày 03/5/2024 là 15 tháng với số tiền là 252.000.000 đồng; tổng cộng số tiền là 2.352.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng ông Phan Thế N có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T2 thay ông làm chứng tại phiên tòa. Căn cứ theo Điều 77, Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Phan Thế N là người làm chứng nên không được quyền ủy quyền. Do

đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc ông Nguyễn Văn T2 tham gia tố tụng với tư cách là người ủy quyền của ông Phan Thế N.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Tạ Quang T1:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc triệu tập ông Phan Thế N: Người làm chứng ông Phan Thế N có lời khai mâu thuẫn giữa bản tự khai ngày 08/11/2023 và bản tự khai ngày 06/3/2024. Tại phiên tòa ngày 15/3/2024, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng như ý kiến của ông Tạ Quang T1. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để triệu tập ông N đến phiên tòa ngày 03/5/2024 để làm rõ nội dung mâu thuẫn mà ông N đã khai nhưng ông N không đến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vậy nên, Hội đồng xét xử sơ thẩm giải quyết xét xử vắng mặt ông N theo thủ tục chung là đúng qui định. Quá trình xét xử phúc thẩm tòa án cũng đã triệu tập ông N nhưng ông N cũng không có mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Tạ Quang T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.700.000.000 đồng và lãi suất theo qui định trên số tiền này, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 2.100.000.000 đồng.

Căn cứ Giấy xác nhận nợ ngày 30/10/2022 có nội dung: "... Người mượn tiền (bên A) Tạ Quang T1, bên cho mượn tiền (bên B) Lê Việt T; tiền nợ Bên A mượn của bên B đến ngày 30/10/2022 với số tiền là 2.100.000.00 đồng, đã mượn nhiều lần, bằng giấy này các bên xác lập số nợ như trên, thanh toán số tiền còn lại cho bên B chậm nhất trước ngày 20/01/2023 ...". Xác định ông T1 có mượn tiền của ông T theo xác nhận nợ ngày 30/10/2022 số tiền là 2.100.000.00 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tạ Quang T1 thừa nhận có vay của ông Lê Việt T số tiền 2.100.000.000 đồng theo Giấy xác nhận nợ ngày 30/10/2022. Tuy nhiên, ông T1 cho rằng trong số tiền 2.100.000.000 đồng mà ông T1 vay của ông T, có 400.000.000 đồng ông T1 vay dùm cho ông Phan Thế N. Để chứng minh cho lời khai của mình, ông T1 xuất trình biên bản thỏa thuận giữa ông T1 và ông N ngày 30/10/2022 về việc mượn tiền của ông T ngày 30/10/2022. Vì vậy, ông T1 chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền còn lại 1.700.000.000 đồng nhưng xin trả dần. Tuy nhiên, theo giấy thỏa thuận giữa ông T1 và ông N ngày 30/10/2022, chỉ có ông T1 và ông N ký tên và không có chữ ký của ông T. Ông T xác định ông chỉ cho ông T1 vay tiền, hoàn toàn không cho ông N vay tiền nên không đồng ý với lời khai của ông T1 về việc ông N phải trả cho ông T số tiền ông T1 đã vay của ông T theo Giấy xác nhận nợ ngày 30/10/2022, không đồng ý việc ông N sẽ trả thay ông T1 trả số tiền là 400.000.000 đồng trong số tiền 2.100.000.000 đồng ông T1 đã vay của ông T. Việc ông T1 và ông N có thỏa thuận và xác định ông T1 có vay dùm ông N 400.000.000

đồng trong số tiền trong số tiền 2.100.000.000 ông T1 đã vay của ông T nếu có cũng chỉ là thỏa thuận giữa ông T1 và ông N, không liên quan gì đến giao dịch vay tiền giữa ông T1 và ông T. Nghĩa vụ thực hiện trả số tiền đã vay 2.100.000.000 đồng cho ông T theo Giấy xác nhận nợ ngày 30/10/2022 là của ông T1.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Việt T việc buộc ông Tạ Quang T1 phải trả cho ông T số tiền 2.100.000.000 đồng là có căn cứ. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T1 về việc ông T1 chỉ phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.700.000.000 đồng và lãi suất theo qui định trên số tiền này.

[2.2.2] Về số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày 03/5/2024 trên số nợ gốc là 2.100.000.000 đồng x 0.8%/tháng x 15 tháng là 252.000.000 đồng.

Về mức lãi suất: Xét Giấy nhận nợ ngày 30/10/2022 các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ là ngày 20/01/2023 đến ngày 03/5/2024 với mức lãi suất là 0.8%/tháng tương đương số tiền 252.000.000 đồng, là không vượt quá quy định của pháp luật về lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là đúng qui định.

[3] Từ những nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Tạ Quang T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tạ Quang T1.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1651/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Quang T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2024/0027166 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.Thủ Đức;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền